

Số: 02 /2020/NQ-HĐND

Hải Phòng, ngày 22 tháng 7 năm 2020

NGHỊ QUYẾT

Quy định mức học phí năm học 2020 - 2021 đối với các trường đại học, cao đẳng, trung cấp công lập thuộc thành phố Hải Phòng quản lý

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG
KHÓA XV, KỲ HỌP THỨ 14**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14/6/2019;

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18/6/2012;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật Giáo dục đại học năm 2018 ngày 19/11/2018;

Căn cứ Luật Giáo dục nghề nghiệp ngày 27/11/2014;

Căn cứ Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2015 - 2016 đến năm học 2020 - 2021;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 09/2016/TTLT - BGDDĐT - BTC - BLĐTBXH ngày 30/3/2016 của Liên Bộ: Giáo dục và Đào tạo - Tài chính - Lao động Thương binh và Xã hội hướng dẫn một số điều của Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015 của Chính phủ;

Xét Tờ trình số 89/TTr-UBND ngày 08/7/2020 và Đề án số 08/ĐA-UBND ngày 08/7/2020 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc ban hành Nghị quyết quy định mức học phí năm học 2020 - 2021 đối với các trường đại học, cao đẳng, trung cấp công lập thuộc thành phố Hải Phòng quản lý; Báo cáo thẩm tra của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân thành phố; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:



Điều 1. Quy định mức học phí năm học 2020 - 2021 đối với các trường đại học, cao đẳng, trung cấp công lập thuộc thành phố Hải Phòng quản lý, cụ thể:

1. Mức học phí

a) Mức học phí đối với chương trình đào tạo đại trà trình độ đại học tại trường đại học chưa tự bảo đảm kinh phí chi thường xuyên và chi đầu tư:

Đơn vị: Đồng/tháng/sinh viên

STT	Khối ngành, chuyên ngành đào tạo	Mức thu học phí
1	Khoa học xã hội, kinh tế, luật; nông, lâm, thủy sản	980.000
2	Khoa học tự nhiên; kỹ thuật, công nghệ; thể dục thể thao, nghệ thuật; khách sạn, du lịch	1.170.000

b) Mức học phí chương trình đào tạo thạc sĩ, tiến sĩ tại trường đại học chưa tự bảo đảm kinh phí chi thường xuyên và chi đầu tư được xác định bằng mức học phí chương trình đào tạo đại trà trình độ đại học nêu tại điểm a, khoản 1 Điều này nhân (x) hệ số như sau:

STT	Trình độ đào tạo	Hệ số so với đại học
1	Đào tạo thạc sĩ	1,5
2	Đào tạo tiến sĩ	2,5

c) Mức học phí chương trình đào tạo đại trà trình độ cao đẳng, trình độ trung cấp tại trường cao đẳng, trường trung cấp chưa tự bảo đảm kinh phí chi thường xuyên và chi đầu tư:

Đơn vị: Đồng/tháng/học sinh, sinh viên

STT	Nhóm ngành, nghề đào tạo	Mức thu học phí	
		Trình độ trung cấp	Trình độ cao đẳng
1	Khoa học xã hội, kinh tế, luật; nông, lâm, thủy sản	690.000	780.000
2	Khoa học tự nhiên; kỹ thuật, công nghệ; thể dục thể thao, nghệ thuật; khách sạn, du lịch	800.000	860.000
3	Y dược	1.000.000	1.140.000

d) Mức học phí học lại: Bằng mức học phí chương trình đào tạo tương ứng quy định tại điểm a, b, c Khoản 1 Điều này.

2. Chế độ miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập và cơ chế thu, quản lý, sử dụng học phí:

Thực hiện theo quy định tại Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2015 - 2016 đến năm học 2020 - 2021 và Thông tư liên tịch số 09/2016/TTLT - BGDDT - BTC - BLĐTBXH ngày 30/3/2016 của liên bộ Bộ Giáo dục và Đào tạo - Bộ Tài chính - Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội hướng dẫn một số điều của Nghị định số 86/2015/NĐ - CP ngày 02/10/2015 của Chính phủ.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân thành phố chỉ đạo tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết; thực hiện chế độ báo cáo Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố về tình hình thực hiện Nghị quyết theo quy định.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố, các Ban của Hội đồng nhân dân thành phố, các tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân thành phố khóa XV, kỳ họp thứ 14 thông qua ngày 22/7/2020 và có hiệu lực kể từ ngày 01/8/2020./

Nơi nhận:

- Ủy ban TVQH, Chính phủ;
- VP: Quốc hội, Chính phủ;
- Ban Công tác đại biểu (UBTVQH);
- Các bộ: LĐTBXH, TC;
- Vụ Pháp chế Bộ LĐTBXH;
- Cục Kiểm tra VBQPPL (Bộ Tư pháp);
- TT TU, TT HĐND; UBND TP;
- Đoàn ĐBQH HP;
- UBMTTQVN TP;
- Các Ban HĐND TP;
- Các đại biểu HĐND thành phố khóa XV;
- Các VP: TU, Đoàn ĐBQH TP, UBND TP;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể thành phố;
- Các quận ủy, huyện ủy;
- TT HĐND, UBND các quận, huyện;
- CVP, các PCVP HĐND TP;
- Báo HP, Đài PTTHHP;
- Công báo TP; Cổng TTĐTTP (để đăng);
- Các CV VP HĐND TP;
- Lưu: VT, Hồ sơ kỳ họp.

CHỦ TỊCH



Lê Văn Thành